TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 16/02/2023
"*V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Cao Diễm.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

Đặng Văn Hai;

Nguyễn Phát Triển.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thái Vân An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2022/TLST-DS, ngày 01/8/2022, về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐST-DS ngày 03/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2023/QĐST-DS, ngày 18/01/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê H, sinh năm: 1964. Địa chỉ: xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Trần T, sinh năm: 1975; địa chỉ: xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê H trình bày:

Vào khoảng vài năm trước ông H có bán quýt cho vựa trái cây Minh Thùy do bà T làm chủ hình thức mua bán là bà T sẽ đi thu mua tại vườn rồi sẽ ghi lại số ký

và giá cả rồi ra tại vựa bà T mới ghi lại Toa hàng rồi đưa cho nhà vườn giữ nếu thanh toán xong ghi R, sau nhiều lần thu mua của ông H đến khoảng 2017 thì bà T tổng sổ còn nợ ông H số tiền 436.200.000đ rồi bà T trả dần đến khoảng tháng 06/2018 còn thiếu lại số tiền 388.000.000đ đến nay bà T chưa trả cho ông H, ông H đã nhiều lần yêu cầu bà T trả số tiền trên cho ông H thì bà T có hứa trả dần nhưng bà T vẫn không trả và cố tình né tránh. Nay Lê H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Trần T trả cho Lê H số tiền nợ vốn 388.000.000 đồng, lãi tính từ tháng 07/2018 đến tháng 07/2022 là 48 tháng x 0.83% x 388.000.000 đồng = 154.579.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 542.579.000 đồng.

Bị đơn Trần T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Lê H khởi kiện yêu cầu Trần T trả tiền nợ mua bán, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán. Các đương sự cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn Trần T trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Trần T.

[2] Về nội dung vụ án:

Lê H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Trần T trả cho Lê H số tiền vốn 388.000.000 đồng, lãi suất 0,83% tính từ tháng 07/2018 đến tháng 07/2022 là 48 tháng x 388.000.000 đồng = 154.579.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 542.579.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là các toa hàng của vựa trái cây Minh Thùy do bà T ghi. Tại tờ tường trình ngày 05/12/2022 bà T trình bày thừa nhận là có mua quýt của ông H sau khi thanh toán tiền thì bà T còn

nợ ông H số tiền theo "Toa hàng Vựa trái cây Minh Thùy" như ông H cung cấp là 388.000đ chứ không phải 388.000.000đ nhưng ông H kiện, bà T đồng ý trả cho ông H số tiền 388.000đ ngoài ra không nợ khoản nào khác nhưng lời trình bày này của bà T không được ông H thừa nhận và cũng không có cơ sở bởi vì ông H cho rằng ông H là chủ vườn lớn khoảng trên 20 công quýt đã bán cho bà T rất nhiều lần với số lượng lớn, giá tại thời điểm đó khoảng 18.000đ đến 20.000đ/kg, qua đối chiếu các chứng cứ và thông lệ mua bán giữa các nhà vườn với bà T được hòa giải tại Tòa trước đây thì bà T thừa nhận việc mua bán chỉ ghi tắt số tiền như vậy, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Lê H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với tiền lãi khi mua bán không có thỏa thuận tiền lãi nhưng đến hạn trả nợ Trần T không trả nên Lê H tính tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ tháng 07/2018 đến tháng 07/2022 là 48 tháng x 0.83% x 388.000.000 đồng = 154.579.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 542.579.000 đồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Lê H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Lê H.

2. Buộc Trần T trả cho Lê H số tiền nợ vốn là 388.000.000 đồng, lãi 154.579.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 542.579.000 đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Trần T phải nộp 25.703.160 đồng (Hai mươi lăm triệu, bảy trăm lẻ ba nghìn, một trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Lê H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Lê H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.554.000 đồng (mười hai triệu, năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0010503, ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/02/2023). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cao Diễm